

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH



BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

*(Ban hành theo Quyết định số 2033/QĐ-ĐHV ngày 10/09/2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh)*

Mã số ngành đào tạo: 7310205

Nghệ An, 2021

MỤC LỤC

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT	4
DANH SÁCH BẢNG.....	5
DANH SÁCH HÌNH.....	5
PHẦN 1. MỞ ĐẦU	6
PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	7
2.1. Thông tin chung	Error! Bookmark not defined.
2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo	8
2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	8
2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp	10
2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp	11
2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập.....	11
2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá.....	11
2.8. Đối sánh chương trình đào tạo	13
3.1. Cấu trúc chương trình dạy học	17
3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT	17
3.4. Kế hoạch giảng dạy	19
3.5. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học.....	23
3.6. Ma trận kỹ năng	25
PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN	25
PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH	36
PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN	37
PHỤ LỤC 2. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP.....	42
PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CĐR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN	Error!
Bookmark not defined.	

DANH SÁCH TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu	Diễn giải
CTĐT	Chương trình đào tạo
PO	Mục tiêu chương trình đào tạo
PLO	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo
CO	Mục tiêu học phần
CLO	Chuẩn đầu ra học phần
LLO	Chuẩn đầu ra bài học
GD&ĐT	Giáo dục và đào tạo

DANH SÁCH BẢNG

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	9
Bảng 2.2. Ảnh xạ giữa CĐR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập.....	11
Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CĐR của CTĐT	13
Bảng 3.1. Ảnh xạ các mô-đun của CTDH tới CĐR của CTĐT	17
Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CĐR của CTĐT.....	Error! Bookmark not defined.
Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của CTDH.....	21
Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần.....	Error! Bookmark not defined.

DANH SÁCH HÌNH

Hình 3.1. Ma trận kỹ năng	Error! Bookmark not defined.
--	------------------------------

PHẦN 1. MỞ ĐẦU

Trường Đại học Vinh (trước đây là Trường Đại học Sư phạm Vinh) được thành lập ngày 16/7/1959 theo Nghị định số 375/NĐ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Trải qua hơn 62 năm phấn đấu xây dựng và trưởng thành, Trường Đại học Vinh ngày càng khẳng định được vị thế trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam và trên thế giới.

Trường Đại học Vinh có đội ngũ cán bộ cơ bản đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng, đồng bộ về cơ cấu với 1.036 cán bộ, viên chức, trong đó có 49 giáo sư, phó giáo sư, 300 tiến sĩ, 495 thạc sĩ... Nhà trường đã đào tạo trên 80.000 cử nhân sư phạm, cử nhân khoa học, kỹ sư; 6.500 thạc sĩ và hàng trăm tiến sĩ. Nhiều cựu sinh viên của Trường đã trở thành các nhà khoa học, chuyên gia đầu ngành, cán bộ quản lý tại các cơ sở giáo dục, đào tạo, các viện nghiên cứu, các trung tâm khoa học, công nghệ, kinh tế lớn trong nước và quốc tế. Hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường tập trung trên 3 lĩnh vực: khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và khoa học công nghệ, ứng dụng - triển khai. Nhà trường đã xây dựng Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2018 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025.

Trong quá trình xây dựng và phát triển, Trường Đại học Vinh đã xác định sứ mạng để định hướng cho mọi hoạt động của Nhà trường; đồng thời tuyên bố, cam kết về những trọng trách chủ yếu nhất của Nhà trường đối với hệ thống giáo dục, đào tạo và xã hội là: Trường Đại học Vinh là cơ sở giáo dục đại học đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, nghiên cứu khoa học giáo dục, khoa học cơ bản, ứng dụng và chuyển giao công nghệ hàng đầu của khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước, luôn hướng tới sự thành đạt của người học. Sứ mạng của Nhà trường phù hợp, gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Nghệ An, khu vực Bắc Trung Bộ và cả nước.

Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn là đơn vị thuộc Trường Đại học Vinh, được thành lập theo Nghị quyết số 12 ngày 21 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Vinh. Trường có chức năng đào tạo trình độ đại học và sau đại học, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo lĩnh vực khoa học học xã hội và nhân văn. Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn đào tạo cử nhân Luật học, Luật Kinh tế, Chính trị học, Du lịch, Việt Nam học, Quản lý nhà nước, Quản lý văn hóa, Công tác xã hội; đào tạo nghiên cứu sinh chuyên ngành Chính trị học; và cao học Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật, cao học Chính trị học. Về đội ngũ giảng viên, Trường Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn có 70 cán bộ, giảng viên, trong đó có 3 PGS, 30 TS.

Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn đang trong quá trình phát triển, với mục tiêu trở thành một trung tâm đào, nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn; có tiềm lực, vị thế và uy tín ở Trường Đại học Vinh và trên phạm vi cả nước. Để khởi ngành

đào tạo khoa học xã hội và nhân văn xứng tầm với thương hiệu đã được khẳng định, tiếp tục khẳng định là một trung tâm đào tạo cử nhân ngành khoa học xã hội và nhân văn của cả nước, cung cấp nguồn nhân lực làm công tác xã hội, chính trị, pháp lý chất lượng cao, Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn đang tiếp tục xây dựng, phát triển để trở thành Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn.

Trong quá đổi mới đất nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, nhu cầu về đào tạo các ngành Quản lý nhà nước, Chính trị học, Quản lý văn hóa, Báo chí, Luật học, Công tác xã hội,... ở các trình độ khác nhau trở nên cấp thiết. Việc bổ sung, hoàn thiện chương trình đào tạo ngành Quản lý nhà nước nói riêng và các ngành thuộc khối khoa học xã hội và nhân văn sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục đại học Việt Nam ngang tầm với khu vực và quốc tế, trước mắt là phù hợp với chương trình đào tạo theo tiếp cận CDIO, đáp ứng chuẩn đầu ra và yêu cầu của nhà tuyển dụng.

- Để học tốt chương trình đào tạo này, sinh viên cần:

- + Xây dựng kế hoạch học tập
- + Học qua Hệ thống E-learning
- + Sử dụng hệ thống LMS

PHẦN 2. TỔNG QUAN VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Thông tin chung

1.	Tên ngành đào tạo: 2	Quản lý nhà nước
2.	Mã số ngành đào tạo:	
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Thời gian đào tạo:	4 năm
5.	Tên văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân quản lý nhà nước
6.	Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo:	Các ngành khoa học XH&NV
7.	Hình thức đào tạo:	Tập trung
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	126
9.	Thang điểm:	10 (điểm số), 4 (điểm chữ)
10.	Ngôn ngữ sử dụng:	Tiếng Việt
11.	Ngày tháng ban hành:	8/2021
12.	Phiên bản chỉnh sửa:	8/2021

2.2. Mục tiêu chương trình đào tạo

Mục tiêu tổng quát: Đào tạo cử nhân quản lý nhà nước có kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lĩnh vực quản lý nhà nước, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.	
Mục tiêu cụ thể:	
PO1.	Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn và kiến thức cơ bản, chuyên sâu về quản lý nhà nước
PO2.	Có kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quản lý nhà nước
PO3.	Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp
PO4.	Có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế

2.3. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (cấp độ 2)

Ký hiệu CDR	Chủ đề CDR	TĐNL
1	Kiến thức và lập luận ngành	
PLO 1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào lĩnh vực quản lý nhà nước	3.0
PLO 1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành quản lý nhà nước	3.0
PLO 1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành quản lý nhà nước	3.5
2.	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
PLO 2.1	Thể hiện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, tham vấn, tư vấn và phát triển năng lực cá nhân	3.0
POL 2.2	Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp	3.0
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
PLO 3.1	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm trong quản lý nhà nước	3.0
PLO 3.2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong quản lý nhà nước	3.0
4	Năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước	
PLO 4.1	Phân tích bối cảnh xã hội, môi trường, nghề nghiệp và tổ chức	4.0
PLO 4.2	Hình thành ý tưởng trong quản lý nhà nước	4.0
PLO 4.3	Lập kế hoạch trong quản lý nhà nước	4.0
PLO 4.4	Thực hiện kế hoạch trong quản lý nhà nước	4.0
PLO 4.5	Đánh giá hoạt động quản lý nhà nước	4.0

Bảng 2.1. Mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
PO1	✓	✓	✓	✓											
PO2					✓	✓	✓		✓	✓					
PO3								✓							
PO4											✓	✓	✓	✓	✓

2.4. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (cấp độ 3)

Ký hiệu CDR	Chủ đề CDR	TĐNL
1	Kiến thức và lập luận ngành	
PLO 1.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, pháp luật và khoa học xã hội – nhân văn vào lĩnh vực quản lý nhà nước	
1.1.1	Trình bày kiến thức cơ bản về lý luận chính trị và pháp luật	2.5
1.1.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về tâm lý học, xã hội học	3.0
1.1.3	Vận dụng kiến thức cơ bản về lịch sử, văn hóa	3.0
PLO 1.2	Vận dụng kiến thức cơ sở ngành quản lý nhà nước	
1.2.1	Vận dụng quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và quản lý nhà nước	3.0
1.2.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật	3.0
1.2.3	Vận dụng kiến thức đại cương về quản lý nhà nước	2.5
1.2.4	Vận dụng kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội	3.0
PLO 1.3	Vận dụng kiến thức chuyên ngành quản lý nhà nước	
1.3.1	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học quản lý	3.5
1.3.2	Vận dụng kiến thức cơ bản về chính trị, hành chính trong quản lý nhà nước	3.5
1.3.3	Vận dụng các chính sách, pháp luật trong quản lý nhà nước	3.5
1.3.4	Vận dụng kiến thức quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	3.5
1.3.5	Vận dụng kiến thức quản lý nhà nước đối các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội	3.5
2.	Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp	
PLO 2.1	Thể hiện kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề, tham vấn, tư vấn và phát triển năng lực cá nhân	
2.1.1	Thể hiện kỹ năng phát hiện vấn đề, tham vấn, tư vấn trong quản lý nhà nước	3.0
2.1.2	Có khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế	3.0
2.1.3	Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy phản biện và khám phá tri thức trong nghiên cứu lĩnh vực quản lý nhà nước	3.0
2.1.4	Quản lý thời gian và nguồn lực trong quản lý nhà nước	3.0
POL 2.2	Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp	
2.2.1	Thể hiện bản lĩnh chính trị, lập trường tư tưởng vững vàng	3.0

2.2.2	Thể hiện đạo đức công vụ, hành xử chuyên nghiệp trong quản lý nhà nước	3.0
3	Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	
PLO 3.1	Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm trong quản lý nhà nước	
3.1.1	Tổ chức nhóm	3.0
3.1.2	Lập kế hoạch hoạt động nhóm	3.0
3.1.3	Triển khai hoạt động nhóm	3.0
PLO 3.2	Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong quản lý nhà nước	
3.2.1	Thể hiện kỹ năng giao tiếp trực tiếp và giao tiếp bằng văn bản trong quản lý nhà nước	3.0
3.2.2	Có khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh, giao tiếp đa phương tiện trong quản lý nhà nước	3.0
4	Năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động quản lý nhà nước	
PLO 4.1	Phân tích bối cảnh xã hội, môi trường, nghề nghiệp và tổ chức	
4.1.1	Phân tích bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước	4.0
4.1.2	Phân tích tác động của xã hội đối với hoạt động quản lý nhà nước và ngược lại	4.0
4.1.3	Phân tích vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức	4.0
4.1.4	Phân tích cơ cấu và các bên liên quan của cơ quan quản lý nhà nước	4.0
4.1.5	Xây dựng mục tiêu, chiến lược, kế hoạch của cơ quan quản lý nhà nước	4.0
PLO 4.2	Hình thành ý tưởng trong quản lý nhà nước	
4.2.1	Phân tích mục đích, yêu cầu của hoạt động quản lý nhà nước	4.0
4.2.2	Lựa chọn mô hình quản lý	4.0
4.2.3	Phân tích điều kiện thực hiện hoạt động quản lý	4.0
PLO 4.3	Lập kế hoạch trong quản lý nhà nước	
4.3.1	Xây dựng nội dung quản lý	4.0
4.3.2	Lựa chọn phương thức quản lý	4.0
4.3.3	Lựa chọn công cụ quản lý	4.0
PLO 4.4	Thực hiện kế hoạch trong quản lý nhà nước	
4.4.1	Triển khai thực hiện kế hoạch quản lý	4.0
4.4.2	Kiểm soát hoạt động quản lý	4.0
4.4.3	Tư vấn, hỗ trợ, xử lý tình huống nảy sinh trong quản lý	4.0
PLO 4.5	Đánh giá hoạt động quản lý nhà nước	
4.5.1	Xây dựng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý	4.0
4.5.2	Đánh giá kết quả thực hiện hoạt động quản lý	4.0
4.5.3	Điều chỉnh hoạt động quản lý	4.0

2.4. Định hướng việc làm sau khi tốt nghiệp và khả năng học tập nâng cao trình độ

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý nhà nước có khả năng làm việc ở các vị trí công việc sau:

- Làm cán sự/chuyên viên thuộc các cơ quan công quyền, các đơn vị sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể, các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế - xã hội khu vực công và khu vực tư.

- Làm nghiên cứu viên về khoa học hành chính, khoa học quản lý ở các cơ sở nghiên cứu, cơ quan tham mưu hoạch định chiến lược, chính sách của Đảng và Nhà nước.
- Giảng dạy về khoa học hành chính, khoa học quản lý tại các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng.
- Có thể tiếp tục học ở bậc thạc sĩ và tiến sĩ các chuyên ngành: Quản lý nhà nước, Luật, Chính trị học, Chính sách công, v.v..

2.5. Tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

2.5.1. Tuyển sinh

Theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Vinh.

2.5.2. Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét, công nhận tốt nghiệp và xếp hạng tốt nghiệp được quy định theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Vinh. Sinh viên đủ các điều kiện sau thì được xét và công nhận tốt nghiệp:

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp, sinh viên không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức bị đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ ... tín chỉ của CTĐT;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;
- Đạt yêu cầu về trình độ ngoại ngữ, tin học, có chứng chỉ Giáo dục-Quốc phòng, Giáo dục thể chất theo quy định và hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với Trường.

2.6. Phương pháp giảng dạy và học tập

Bảng 2.2. Sự tương thích giữa CDR của CTĐT và các hoạt động giảng dạy - học tập

Hoạt động GD và HT	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
	1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
Thuyết trình	✓	✓	✓	✓				✓			✓	✓	✓	✓	✓
Thảo luận	✓		✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓			✓
Tự học	✓	✓	✓	✓		✓	✓	✓				✓	✓		
Bài tập		✓	✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓		✓	✓	✓	✓

2.7. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

Thang điểm và các thành phần đánh giá (đối với các học phần)

Bài đánh giá	Hình thức đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá thường xuyên				50%
A1.1	- Ý thức, thái độ học tập	- Rubric 1		10%
A1.2	- Bài tập cá nhân; SV nộp bài qua LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án		20%
	- Seminar; nhóm trưởng nộp báo cáo quá LMS; GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Rubric 2		
A1.3 Đánh giá giữa kỳ	- Bài thi trắc nghiệm; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ	- Đáp án		20%
A2. Đánh giá cuối kỳ				50%
A2	- Thi viết; TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ - Thi trắc nghiệm: TT Đảm bảo chất lượng tổ chức thi và lưu hồ sơ - Tiểu luận: GV đánh giá và lưu hồ sơ	- Đáp án - Rubric 3		50%
Công thức tính điểm tổng kết: $a = a1 \times 0.1 + a2 \times 0.2 + a3 \times 0.2 + a4 \times 0.5$. Trong đó, a: điểm học phần; a1: điểm đánh giá ý thức học tập của sinh viên; a2: điểm đánh giá hồ sơ học phần; a3: điểm đánh giá giữa kỳ; a4: điểm đánh giá thi kết thúc học phần.				

*** Các hình thức đánh giá, tiêu chí đánh giá và mối liên hệ giữa các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT**

Bảng 2.3. Các hình thức đánh giá để đạt được CDR của CTĐT

Các hình thức đánh giá	Tiêu chí đánh giá	CDR của CTĐT															
		1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5	
Hoạt động nhóm	Rubrics	✓		✓	✓	✓		✓	✓	✓	✓			✓	✓	✓	✓
Bài tập	Đáp án	✓	✓	✓	✓	✓		✓									
Trắc nghiệm khách quan	Đáp án	✓	✓	✓	✓												
Tự luận	Đáp án	✓		✓	✓		✓	✓	✓		✓	✓					
Tiểu luận	Rubrics	✓		✓	✓		✓	✓	✓			✓	✓	✓			
Đồ án	Rubrics			✓	✓		✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓

2.8. Đối sánh chương trình đào tạo

Bảng đối sánh CTĐT của Trường Đại học Vinh với CTĐT của các cơ sở đào tạo khác:

Trường Đại học Quy Nhơn; Học viện Báo chí và Tuyên truyền Hà Nội

Nội dung đối sánh	Trường Đại học Vinh	Trường Đại học Quy Nhơn	Học viện Báo chí – Tuyên truyền Hà Nội
<i>Mục tiêu tổng quát</i>	Đào tạo cử nhân QLNN có kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lĩnh vực quản lý nhà nước, kỹ năng nghề nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong làm việc chuyên nghiệp; có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các hoạt động QLNN trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế.	Đào tạo cử nhân QLNN cơ bản đạt chuẩn nghề nghiệp theo các quy định hiện hành.	Đào tạo đội ngũ cán bộ có trình độ đại học, có lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, nắm vững kiến thức chuyên môn về QLHCNN; có khả năng tham mưu, tư vấn cho các cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn trong bộ máy nhà nước về lãnh đạo, QLHCNN; có khả năng trực tiếp tham gia quản lý những lĩnh vực khác nhau thuộc các cơ quan nhà nước, chính quyền các cấp; có khả năng nghiên cứu và giảng dạy môn

			học QLHCNN; có cơ hội học tập bậc SDH ngành QLNN trong và ngoài nước.
<i>Mục tiêu cụ thể</i>	- Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội nhân văn và kiến thức cơ bản, chuyên sâu về quản lý nhà nước; kiến thức về tin học và ngoại ngữ. - Có kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quản lý nhà nước - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp - Có năng lực hình thành ý tưởng, lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá hoạt động quản lý nhà nước trong bối cảnh hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế	- Kiến thức cơ bản, hiện đại về nền hành chính nhà nước và QLNN; kiến thức về sự phát triển kinh tế- xã hội Việt Nam bối cảnh hiện nay; kiến thức về tin học và ngoại ngữ. - Kỹ năng: kỹ năng làm việc nhóm, hợp tác; kỹ năng thực công việc, xử lý tình huống. - Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: tự định hướng, thích nghi với công trong những môi trường khác nhau; tự học tập, tích lũy, cập nhật kiến thức, kinh nghiệm; đưa ra các quyết định; lập kế hoạch; đánh giá và cải tiến các hoạt động hành chính, công vụ.	- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, quốc phòng an ninh; kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất; kiến thức cơ sở ngành, ngành, chuyên ngành QLNN; kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng và ngoại ngữ - Có kỹ năng xử lý tình huống; tiếp cận, xử lý thông tin; giao tiếp, hợp tác; sử dụng dụng ngôn ngữ lời nói, văn bản; nhận diện, tham vấn, xử lý các tình huống quản lý hành chính nhà nước... - Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong làm việc khoa học và văn hóa giao tiếp
<i>Chuẩn đầu ra</i>			
Cấp 1	- Kiến thức và lập lập ngành - Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp - Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp	- Yêu cầu tối thiểu về kiến thức - Yêu cầu tối thiểu về kỹ năng - Yêu cầu tối thiểu về thái độ, trách nhiệm	- Kiến thức - Kỹ năng - Năng lực tự chủ và trách nhiệm

	- Năng lực CDIO	nghề nghiệp	
Cấp 2	- Kiến thức và lập lập ngành + Kiến thức cơ bản về chính trị và khoa học xã hội - nhân văn + Kiến thức tin học, ngoại ngữ + Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành + Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành - Kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp + Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong quản lý + Nghiên cứu, khám phá tri thức + Phát triển năng lực cá nhân + Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp + Phẩm chất chính, đạo đức, tác phong nghề nghiệp - Năng lực CDIO + Phân tích bối cảnh xã hội, môi trường, nghề nghiệp và tổ chức + Hình thành ý tưởng-lập kế hoạch - thực hiện - đánh giá hoạt động QLNN	- Yêu cầu tối thiểu về kiến thức + Kiến thức cơ bản, chuyên sâu và có hệ thống về nền hành chính nhà nước và QLNN + Kiến thức về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, an ninh - quốc phòng - Yêu cầu tối thiểu về kỹ năng + Kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề + Kỹ năng tiếp cận, xử lý thông tin + Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu + Kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp + Kỹ năng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc, các mối quan hệ xã hội khác nhau. - Yêu cầu tối thiểu về thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp + Có nhận thức và thái độ ứng xử theo các nguyên tắc và chuẩn mực đạo đức xã hội và đạo đức nghề nghiệp + Trung thực, tận tụy, khiêm tốn, tự giác, cầu thị, cầu tiến, tôn trọng và tuân thủ kỷ luật + Có ý thức và thể hiện trách nhiệm đối với Tổ quốc, nhân dân, cơ quan, đơn vị.	- Kiến thức + Kiến thức đại cương + Kiến thức cơ sở ngành + Kiến thức ngành + Kiến thức chuyên ngành - Kỹ năng + Kỹ năng chung: xử lý tình huống; tiếp cận, xử lý thông tin; hợp tác; sử dụng dụng ngôn ngữ lời nói, văn bản... + Kỹ năng chuyên biệt cho chuyên ngành quản lý hành chính nhà nước: nhận diện, tham vấn, xử lý các tình huống quản lý hành chính nhà nước; thực hiện công việc quản lý hành chính nhà nước... - Năng lực tự chủ và trách nhiệm + Thích nghi với môi trường làm việc và các hoạt động quản lý hành chính nhà nước + Dẫn dắt chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán sự trong cơ quan, tổ chức + Lập kế hoạch, điều phối, phát huy dân chủ, sự sáng tạo và năng lực của tập thể, cá nhân khác; liên kết và phối hợp + Phát triển năng lực cá nhân: học tập, tích lũy tri thức, kinh nghiệm

			<i>+ Sử dụng và quản lý thời gian phù hợp</i> <i>+ Làm việc dưới áp lực của môi trường quản lý</i>
Đề cương chương trình	CDIO	Thông thường	Thông thường
Số tín chỉ	126 TC	135 TC	132 TC

PHẦN 3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

3.1. Cấu trúc chương trình dạy học

Bảng 3.1. Sự tương thích giữa các mô-đun của CTDH với CDR của CTĐT

Các mô-đun		Số TC	Tỷ lệ	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo														
				1.1	1.2	1.3	1.4	2.1	2.2	2.3	2.4	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
Giáo dục đại cương	1. Lý luận chính trị và khoa học xã hội - nhân văn	35	27,8%	√				√		√	√	√	√					
	2. Tin học và ngoại ngữ	10	7,9%		√					√			√					
Giáo dục chuyên nghiệp	4. Cơ sở ngành	37	29,4%			√		√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√
	5. Chuyên ngành	44	34,9%				√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√	√
Tổng		126	100%															

3.2. Các học phần theo mô – đun

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
Giáo dục đại cương			45
Các học phần đại cương chung (21)			21
1	POL11001	Triết học Mác-Lênin	3
2	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2
3	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	POL11004	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	2
5	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
6	ENG10001	Tiếng Anh 1	3
7	ENG10002	Tiếng Anh 2	4
8	INF20002	Tin học	3
Các học phần đại cương khối ngành			24
9	PLA20001	Nhập môn ngành chính trị - luật	3
10	POL20001	Lôgic hình thức	3
11	LAW20001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	5
12	LAW20020	Luật hiến pháp	4
13	SOW20001	Xã hội học đại cương	3
14	Tự chọn 1		3
15	Tự chọn 2		3
Giáo dục chuyên nghiệp			81
Các học phần cơ sở ngành			37
16	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước	3
17	SMT30014	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	3
18	SMT30001	Kinh tế học đại cương	4
19	SMT30004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam	3
20	POL31013	Lịch sử triết học	3
21	LAW30045	Luật dân sự	4
22	LAW20003	Xây dựng văn bản pháp luật	3
23	LAW30032	Luật hành chính	4
24	LAW30038	Luật hình sự	4

25	SMT20002	Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước	4
26		Tự chọn 3	2
	Các học phần chuyên ngành		44
27	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội	4
28	POL30026	Chính sách công	3
29	POL30021	Hành chính học	4
30	POL30032	Khoa học quản lý	3
31	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế	4
32	SMT30017	Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ	3
33	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	4
34	SMT30015	Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo	3
35	SMT30002	Tổ chức chính quyền cơ sở	3
36	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ	3
37		Tự chọn 4	2
38	SMT30013	Thực tập và đồ án tốt nghiệp	8

Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	3
2	EDU20004	Tâm lý học đại cương	3
3	SMT20004	Kinh tế học vĩ mô	3

Tự chọn 2: Chọn 1 trong 3 học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	LAW20004	Lịch sử nhà nước và pháp luật	3
2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	3
3	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	3

Tự chọn 3: Chọn 1 trong 3 học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	SMT30003	Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính	2
2	POL30019	Công tác đảng và Công tác đoàn thể	2
3	SMT30016	Lý luận về nhà nước pháp quyền	2

Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC
1	LAW30036	Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức	2
2	POL30025	Xây dựng Đảng	2
3	SMT30018	Quản lý nhà nước về quốc phòng an ninh	2

3.3. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

Bảng 3.2. Phân nhiệm giữa các học phần và CDR của CTĐT

TT	Mã HP	Tên học phần	1.1	1.2	1.3	2.1	2.2	3.1	3.2	4.1	4.2	4.3	4.4	4.5
	Giáo dục đại cương													
	Các học phần đại cương chung (21)													
1	POL11001	Triết học Mác-Lênin	✓	✓		✓	✓							
2	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	✓			✓	✓							
3	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	✓	✓		✓	✓							
4	POL11004	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	✓			✓	✓							
5	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	✓	✓		✓	✓							
6	ENG10001	Tiếng Anh 1						✓	✓					
7	ENG10002	Tiếng Anh 2						✓	✓					
8	INF20002	Tin học							✓					
	Các học phần đại cương khối ngành													
9	PLA20001	Nhập môn ngành Chính trị -Luật		✓	✓	✓	✓	✓			✓			
10	POL20001	Lôgic hình thức		✓	✓	✓								✓
11	LAW20002	Luật hiến pháp	✓	✓	✓		✓			✓				
12	LAW20001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	✓	✓	✓		✓			✓				
13	SOW20001	Xã hội học đại cương	✓				✓	✓	✓	✓				
14		Tự chọn 1												
15		Tự chọn 2												
	Giáo dục chuyên nghiệp													
	Các học phần cơ sở ngành													
16	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước		✓		✓	✓			✓	✓	✓		
17	SMT30014	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam		✓		✓	✓			✓			✓	
18	SMT30001	Kinh tế học đại cương		✓		✓	✓	✓		✓			✓	
19	SMT30004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam	✓	✓		✓	✓							✓
20	POL31013	Lịch sử triết học	✓	✓	✓	✓	✓							
21	LAW30003	Luật dân sự		✓	✓	✓	✓	✓		✓				
22	LAW30002	Luật hành chính		✓	✓	✓	✓	✓		✓	✓		✓	

23	LAW30006	Luật hình sự		✓	✓	✓	✓			✓				
24	SMT20002	Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước		✓		✓	✓							
25	LAW20003	Xây dựng văn bản pháp luật		✓		✓			✓		✓	✓		✓
26		Tự chọn 3												
	Các học phần chuyên ngành													
27	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội			✓	✓	✓			✓		✓	✓	✓
28	POL30026	Chính sách công			✓	✓				✓	✓	✓	✓	✓
29	POL30021	Hành chính học			✓	✓	✓	✓	✓	✓				
30	POL30032	Khoa học quản lý			✓		✓			✓	✓		✓	✓
31	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
32	SMT30017	Quản lý nhà nước về GD - ĐT, KH- CN		✓	✓	✓				✓	✓	✓	✓	✓
33	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ			✓		✓	✓			✓	✓		✓
34	SMT30015	Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo			✓		✓	✓	✓	✓			✓	✓
35	SMT30002	Tổ chức chính quyền cơ sở			✓			✓	✓	✓	✓	✓	✓	
36	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ			✓	✓		✓	✓	✓				✓
37		Tự chọn 4												
38	SMT30013	Thực tập và đồ án tốt nghiệp			✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓	✓
	Các học phần tự chọn													
	Tự chọn 1													
1	LIT20006	Cơ sở văn hóa Việt Nam	✓							✓				
2	EDU20004	Tâm lý học đại cương	✓		✓			✓						
3	ECO20012	Kinh tế học vĩ mô		✓						✓	✓			
	Tự chọn 2													
1	LAW20004	Lịch sử nhà nước và pháp luật	✓	✓		✓				✓				
2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	✓							✓				
3	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	✓							✓				
	Tự chọn 3													
1	SMT30003	Tổ chức nhân sự			✓	✓	✓			✓				

		trong cơ quan hành chính												
2	POL30019	Công tác Đảng và Công tác đoàn thể			✓		✓			✓				
3	SMT30016	Lý luận về nhà nước pháp quyền		✓			✓			✓				
	Tự chọn 4													
1	LAW30036	Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức			✓		✓			✓				
2	POL30025	Xây dựng Đảng			✓		✓							
3	SMT30018	Quản lý nhà nước về quốc phòng-an ninh			✓	✓	✓			✓				

3.4. Kế hoạch giảng dạy

Kế hoạch giảng dạy của CTDH được mô tả trong Bảng 3.3, trong đó các ký hiệu như sau: (1) Loại học phần: × – bắt buộc, ✓ – tự chọn; (2) LT – lý thuyết, TH – thực hành, TL – thảo luận, BT – bài tập, ĐA – đồ án.

Bảng 3.3. Kế hoạch giảng dạy của chương trình dạy học

TT	Mã HP	Tên học phần	Loại HP	Số TC	Số tiết				Mô đun	Phân kỳ
					LT	TH	TL/ BT	ĐA		
1	PLA20001	Nhập môn ngành chính trị- luật	X	3	15			30	GDĐC	1
2	LAW20001	Lý luận về nhà nước và pháp luật	X	5	50		25		GDĐC	1
3	POL20001	Lôgic hình thức	X	3	30		15		GDĐC	1
4	ENG10001	Tiếng Anh 1	X	3	30		15		GDĐC	1
5	POL11001	Triết học Mác- Lênin	X	3	30		15		GDĐC	1
6	POL11002	Kinh tế chính trị Mác- Lênin	X	2	20		10		GDĐC	2
7	LAW20002	Luật hiến pháp	X	4	40		20		GDCN	2
8	SOW20001	Xã hội học đại cương	X	3	30		15		GDĐC	2
9	ENG10002	Tiếng Anh 2	X	4	45		15		GDĐC	2
10		Tự chọn 1	✓	3	30		15		GDĐC	2
	NAP10001	Giáo dục quốc phòng 1 (Đường lối quân sự)	X	(3)	45	0			GDĐC	1-3
	NAP10002	Giáo dục quốc phòng 2 (Công tác QPAN)	X	(2)	30	0			GDĐC	1-3
	NAP10003	Giáo dục quốc phòng 3 (QS chung & chiến thuật, KT bắn súng...)	X	(3)	15	30			GDĐC	1-3

	SPO10001	Giáo dục thể chất	X	(5)	15	60			GDĐC	1-3
11	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	2	20		10		GDĐC	3
12	SMT30001	Kinh tế học đại cương	X	4	30			30	GDCN	3
13	INF20002	Tin học nhóm ngành	X	3	30	15			GDĐC	3
14	LAW20003	Xây dựng văn bản pháp luật	X	3	30		15		GDĐC	3
15		Tự chọn 2	✓	3	30		15		GDĐC	3
16	SMT20001	Đại cương về quản lý nhà nước	X	3	30		15		GDCN	4
17	SMT30014	Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam	X	3	30		15		GDCN	4
18	LAW30003	Luật dân sự	X	4	30			30	GDCN	4
19	POL11004	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	2	20		10		GDĐC	4
20	SMT30004	Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam	X	3	30		15		GDCN	4
21	SMT20002	Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước	X	4	40		20		GDCN	4
22	POL31013	Lịch sử triết học	X	3	30		15		GDCN	5
23	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ	X	4	30			30	GDCN	5
24	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	2	20		10		GDĐC	5
25	SMT30002	Tổ chức chính quyền cơ sở	X	3	30		15		GDCN	5
26	SMT30010	Văn hóa công sở và đạo đức công vụ	X	3	30		15		GDCN	5
27		Tự chọn 3	✓	2	20		10		GDCN	5
28	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội	X	4	40		20		GDCN	6
29	POL30026	Chính sách công	X	3	30		15		GDCN	6
30	POL30021	Hành chính học	X	4	30			30	GDCN	6
31	LAW30006	Luật hình sự	X	4	40		20		GDCN	6
32		Tự chọn 4	✓	2	20		10		GDCN	6
33	POL30032	Khoa học quản lý	X	3	30		15		GDCN	7
34	LAW30002	Luật hành chính	X	4	30			30	GDCN	7
35	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế	X	4	40		20		GDCN	7
36	SMT30017	Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ	X	3	30		15		GDCN	7
37	SMT30015	Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo	X	3	30		15		GDCN	7
38	SMT30013	Thực tập và đồ án tốt nghiệp	X	8	0	45		75	GDCN	8
				126						

Tự chọn 1: Chọn 1 trong 3 học phần

1	LIT20003	Cơ sở văn hóa Việt Nam	✓	3	30		15		GDĐC	2
2	EDU20004	Tâm lý học đại cương	✓	3	30		15		GDĐC	2
3	SMT20004	Kinh tế học vĩ mô	✓	3	30		15		GDĐC	2

Tự chọn 2: Chọn 1 trong 3 học phần

1	LAW20004	Lịch sử nhà nước và pháp luật	✓	3	30		15		GDĐC	3
2	HIS20003	Lịch sử văn minh thế giới	✓	3	30		15		GDĐC	3
3	HIS20004	Tiến trình lịch sử Việt Nam	✓	3	30		15		GDĐC	3

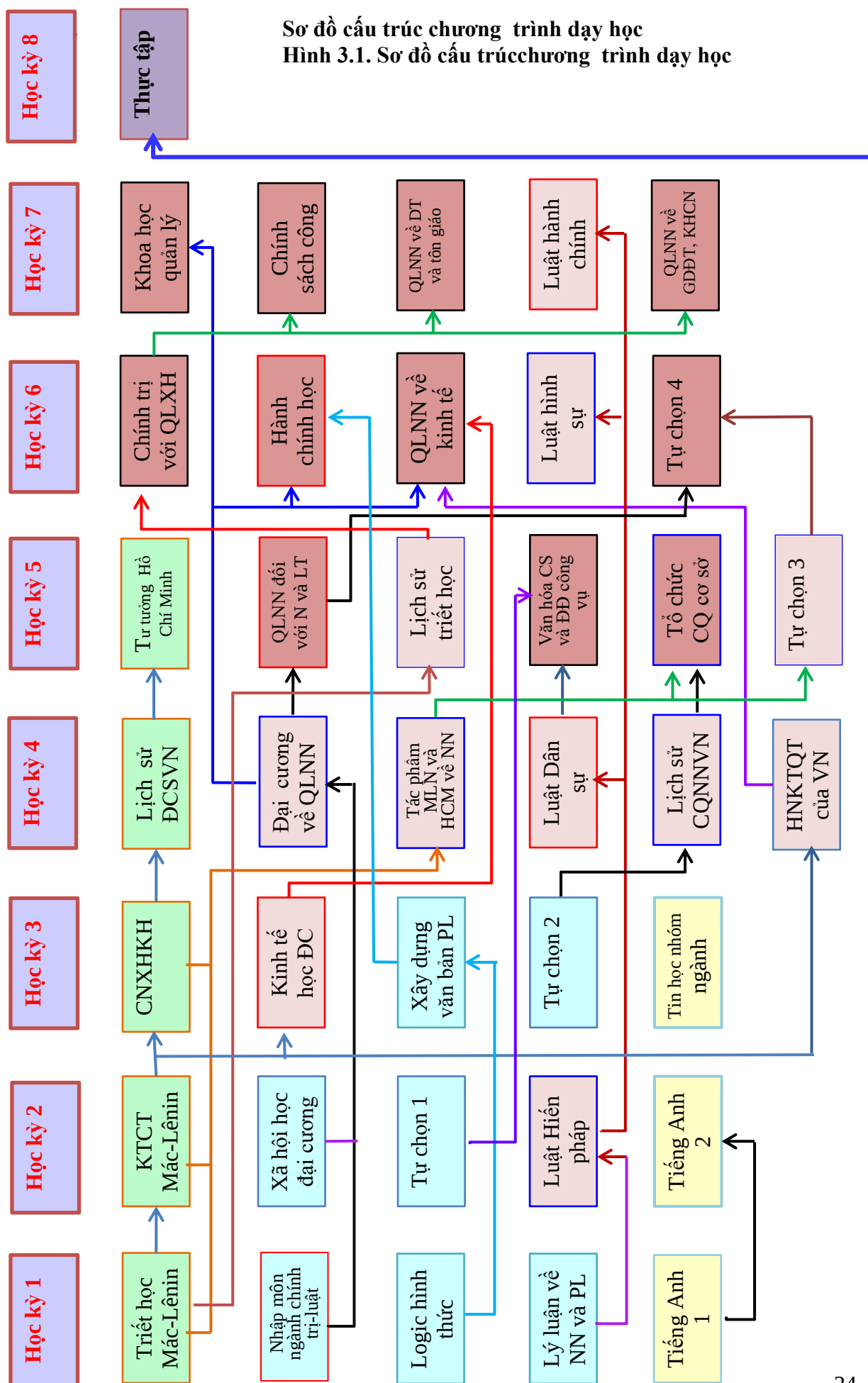
Tự chọn 3: Chọn 1 trong 3 học phần

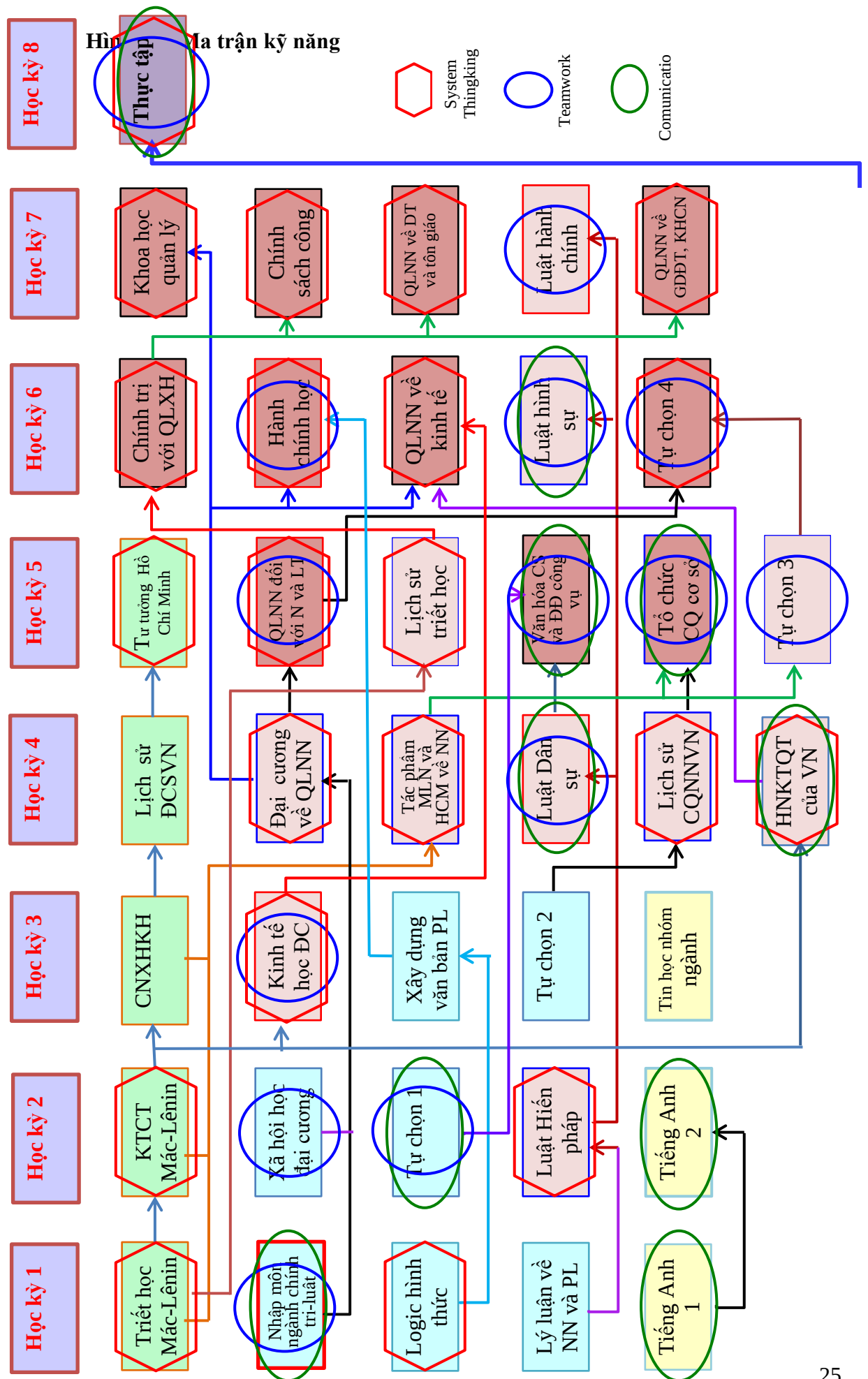
1	SMT30003	Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính	✓	2	20		10		GDCN	5
2	POL30019	Công tác đảng và Công tác đoàn thể	✓	2	20		10		GDCN	5
3	SMT30016	Lý luận về nhà nước pháp quyền	✓	2	20		10		GDCN	5

Tự chọn 4: Chọn 1 trong 3 học phần

1	LAW30036	Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức	✓	2	20		10		GDCN	6
2	POL30025	Xây dựng Đảng	✓	2	20		10		GDCN	6
3	SMT30018	Quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh	✓	2	20		10		GDCN	6

Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học
 Hình 3.1. Sơ đồ cấu trúc chương trình dạy học





PHẦN 4. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

PLA20001: Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật

Mô tả học phần:

Học phần Nhập môn nhóm ngành Quản lý nhà nước là học phần thuộc nhóm kiến thức cơ sở ngành nhằm cung cấp cho người học hiểu biết cơ bản về bối cảnh ngành Quản lý nhà nước trên các phương diện: khái niệm, chức năng nhiệm vụ; quá trình hình thành và phát triển; nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và phương pháp tiếp cận trong học tập và nghiên cứu ngành Quản lý nhà nước. Đồng thời, học phần cũng cung cấp những kiến thức và kỹ năng nhập môn, thái độ nghề nghiệp và chuẩn đầu ra của ngành học sau khi tốt nghiệp.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên có được những hiểu biết ban đầu về ngành Quản lý nhà nước, hiểu được quá trình phát hiện, phân tích, giải quyết và đánh giá trong hoạt động quản lý nhà nước. Học phần nhằm hình thành ở người học khả năng phân tích ý tưởng, thiết kế và thực hiện đồ án về ngành Quản lý nhà nước, cũng như phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm trong ngành Quản lý nhà nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Thể hiện bản lĩnh, niềm tin và ý thức tôn trọng nghề nghiệp
- Có khả năng tư duy hệ thống
- Thể hiện khả năng giao tiếp bằng ngôn ngữ nói và giao tiếp bằng văn bản
- Áp dụng kỹ năng làm việc nhóm trong thực hiện bài tập đồ án
- Thể hiện năng lực nhận diện bối cảnh ngành Quản lý nhà nước trong nước và quốc tế, bối cảnh nghề nghiệp và tổ chức
- Áp dụng những nhận biết về nhu cầu, mục tiêu, vai trò của mỗi vị trí việc làm thuộc nhóm ngành Quản lý nhà nước; thu thập thông tin, quan sát thực tiễn để xây dựng, nội dung, quy trình và tổ chức thực hiện bài tập đồ án học phần

LAW30006: Luật Hiến pháp

Mô tả học phần:

Luật Hiến pháp là học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức khoa học làm nền tảng cho quá trình nghiên cứu chuyên sâu các luật chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản và quan trọng nhất về chế độ chính trị, kinh tế, xã hội, quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Giúp sinh viên có khả năng đánh giá các vấn đề thời sự chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước và thế giới.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức của Luật Hiến pháp trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của nhà nước, đồng thời, phân tích tình huống pháp lý liên quan đến Luật Hiến pháp cũng như các vấn đề thời sự và bối cảnh thời sự liên quan đến Hiến pháp.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày những nội dung cơ bản của luật Hiến pháp
- Vận dụng kiến thức của Luật Hiến pháp trong thực tiễn tổ chức và hoạt động của nhà nước
- Phân tích các vấn đề thời sự và bối cảnh thời sự liên quan đến Hiến pháp
- Phân tích tình huống pháp lý liên quan đến Luật Hiến pháp
- Thể hiện tư duy hệ thống, tư duy phản biện
- Có khả năng hoạt động nhóm, giao tiếp đa phương tiện

SMT30001: Kinh tế học đại cương

Mô tả học phần:

Kinh tế học đại cương là môn khoa học xã hội nghiên cứu sự lựa chọn của các cá nhân,

doanh nghiệp, Chính phủ và toàn xã hội khi phải đối mặt với sự khan hiếm về các nguồn lực. Môn học cung cấp cho sinh viên những nguyên lý cơ bản để phân tích các hoạt động kinh tế đang diễn ra trong nền kinh tế dưới góc độ vi mô và vĩ mô.

Dưới góc độ vi mô, môn học giới thiệu những nội dung liên quan đến cung, cầu, sự hình thành giá cả, thị trường, những quy luật tác động đến hành vi sản xuất...; giới thiệu tổng cung, tổng cầu, các chỉ tiêu đo lường sản lượng quốc gia, thất nghiệp, lạm phát và một số chính sách can thiệp vào nền kinh tế của Chính phủ như chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ... Thông qua việc cung cấp kiến thức về kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô, môn học này góp phần hình thành tư duy kinh tế, bồi dưỡng một số kỹ năng mềm cho người học.

Mục tiêu học phần:

Từ những kiến thức về kinh tế học đại cương, người học có thể hiểu và giải thích được các biểu hiện của nền kinh tế thị trường, như; cơ sở ra quyết định của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường (cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp, nhà nước); thước đo của tăng trưởng; sự hoạt động của quy luật cạnh tranh, cung cầu v.v...

Rèn luyện khả năng nghiên cứu khoa học cho sinh viên thông qua việc thực hiện dự án học phần; đồng thời giúp sinh viên rèn luyện các kỹ năng lập kế hoạch, quản lý thời gian và nguồn lực trong hoạt động nghiên cứu khoa học

Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo nhóm

Giúp người học có thể nhận ra cơ hội kinh doanh, lên kế hoạch lập thân lập nghiệp cho bản thân.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Giải thích được kiến thức cơ bản của kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô.
- Thể hiện khả năng quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ học tập.
- Thể hiện kỹ năng tổ chức nhóm để thực hiện đồ án
- Thể hiện kỹ năng lập kế hoạch thực hiện đồ án
- Thể hiện kỹ năng triển khai kế hoạch để thực hiện đồ án và công bố kết quả
- Xây dựng mục tiêu, phương hướng sản xuất kinh doanh của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường

SMT20001: Đại cương về quản lý nhà nước

Mô tả học phần:

Đại cương về quản lý nhà nước là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành đối với sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về quản lý nhà nước ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời học phần giúp sinh viên nắm rõ quan điểm, nguyên tắc và quy trình hoạt động quản lý nhà nước. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất một số giải pháp góp ý cho công tác quản lý hành chính nhà trường hay quản lý nhà nước tại địa phương.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và lý luận chung về quản lý nhà nước và quản lý hành chính nhà nước ở Việt Nam, từ đó, vận dụng vào hoạt động quản lý hành chính nhà nước trong thực tiễn.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày nội dung, phương thức quản lý nhà nước
- Trình bày tính chất, đặc điểm của hoạt động quản lý nhà nước
- Trình bày một số vấn đề cơ bản trong hoạt động quản lý nhà nước ở Việt nam hiện nay
- Thể hiện ý thức trách nhiệm công dân trong việc tuân thủ sự quản lý của các cơ quan nhà nước
- Thể hiện khả năng phối hợp với kiến thức quản lý thuộc các ngành liên quan đến vấn đề quản lý hành chính nhà nước
- Vận dụng các kiến thức về quản lý nhà nước trong cải cách nền hành chính nhà nước

SMT30014: Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Mô tả học phần:

Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành trong chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước.

Học phần này cung cấp một số kiến thức chuyên sâu về toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, như: tổng quan về hội nhập kinh tế quốc tế; các tổ chức kinh tế quốc tế nổi bật hiện nay; thực tiễn hội nhập kinh tế của Việt Nam (quá trình hội nhập, thành tựu, hạn chế, thời cơ, thách thức và giải pháp đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam)... Trên cơ sở đó, môn học trang bị kiến thức và một số kỹ năng cần thiết cho sinh viên để phục vụ công việc trong tương lai.

Mục tiêu học phần:

Trên cơ sở giúp sinh viên hiểu và giải thích được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam, môn học rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ đó, sinh viên thể hiện được sự tự chủ, độc lập và sự nhìn khách quan về tình hình quốc tế và đất nước.

Chuẩn đầu ra:

- *Giải thích* được những kiến thức cơ bản về toàn cầu hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.
- *Thể hiện kỹ năng* phân tích, đánh giá và phản biện các vấn đề liên quan đến toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.
- *Thể hiện* khả năng tự học, tự rèn luyện, tự chủ trong quá trình khám phá tri thức.
- *Phân tích* bối cảnh quốc tế và tình hình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

SMT31004: Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam

Mô tả học phần:

Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về vấn đề Lịch sử chính quyền Nhà nước Việt Nam. Đồng thời học phần giúp sinh viên nhận thức rõ vấn đề cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử khác nhau, trong đó làm rõ cơ cấu tổ chức và sự vận hành của nhà nước trong toàn bộ tiến trình lịch sử. Có khả năng vận dụng các kiến thức được trang bị trong môn học trong xây dựng chính quyền nhà nước ở Việt Nam hiện nay.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử, qua đó hình thành kỹ năng nghiên cứu các vấn đề về xây dựng chính quyền nhà nước trong các giai đoạn lịch sử, cũng như rèn luyện ý thức trách nhiệm, thái độ tích cực đối với công cuộc xây dựng đất nước hiện nay.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* những kiến thức cơ bản về chính quyền nhà nước Việt Nam qua từng thời kỳ lịch sử
- *Trình bày* hệ thống chính quyền của nước ta trong các giai đoạn lịch sử từ khi hình thành nhà nước Văn Lang - Âu Lạc cho đến nay
- *Có khả năng* nghiên cứu các vấn đề về xây dựng chính quyền nhà nước trong các giai đoạn lịch sử
- *Thể hiện* ý thức trách nhiệm, có thái độ tích cực đối với xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

LAW31004: Luật Dân sự

Mô tả học phần:

Luật dân sự bao gồm các quy phạm pháp luật điều chỉnh quan hệ tài sản dưới hình thức hàng hoá - tiền tệ và một số quan hệ nhân thân phi tài sản. Một số chế định cơ bản của luật dân sự như: hợp đồng, quyền sở hữu, thừa kế, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Luật dân sự là môn học nền tảng, cần thiết cho sinh viên ngành quản lý hành chính nhà nước giải quyết được các vấn đề trong thủ tục hành chính tư pháp đối với công dân..

Mục tiêu học phần:

Môn học này được thiết kế nhằm đảm bảo sinh viên có khả năng phân tích và áp dụng các quy định pháp luật từng chế định cụ thể: tài sản, quyền thừa kế, hợp đồng và nghĩa vụ dân sự trong việc giải quyết vụ việc dân sự. Bên cạnh các kỹ năng soạn thảo hợp đồng, soạn thảo văn bản trong phân chia thừa kế, tổ chức và thực hiện các hoạt động pháp lý, sinh viên được rèn luyện về tư duy phản biện đối với vụ việc.

SMT21002: Tác phẩm Mác - Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước

Mô tả học phần:

Lịch sử triết học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý nhà nước, khái quát quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng triết học nhân loại, bao gồm: triết học các nước phương Đông, phương Tây, tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ; trình bày tư tưởng cơ bản của các học thuyết và các triết gia tiêu biểu.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử triết học, rèn luyện năng lực vận dụng lý luận triết học vào nhận thức và thực tiễn quản lý nhà nước, đồng thời, trang bị thể giới quan, phương pháp luận khoa học và hình thành ở sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn.

Mục tiêu học phần:

Từ việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng triết học nhân loại, hình thành ở người học thể giới quan, phương pháp luận khoa học và phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn, học phần *Lịch sử triết học* giúp sinh viên vận dụng tư tưởng triết học vào nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước.

Chuẩn đầu ra:

- *Trình bày* quá trình ra đời và phát triển của triết học ở một số nước phương Đông, phương Tây qua các thời kỳ
- *Trình bày* tư tưởng cơ bản của các trường phái, các nhà triết học trong lịch sử
- *Giải thích ý nghĩa*, ảnh hưởng của tư tưởng triết học đến đời sống chính trị xã hội
- *Vận dụng* tư tưởng triết học vào nhận thức và thực tiễn chính trị xã hội
- *Hình thành* phương pháp tư duy, năng lực vận dụng lý triết học trong nhận thức và thực tiễn chính trị xã hội
- *Thể hiện* thể giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng; phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn

POL20002: Lịch sử triết học

Mô tả môn học:

Lịch sử triết học là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý nhà nước, khái quát quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng triết học nhân loại, bao gồm: triết học các nước phương Đông, phương Tây, tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ; trình bày tư tưởng cơ bản của các học thuyết và các triết gia tiêu biểu.

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lịch sử triết học, rèn luyện năng lực vận dụng lý luận triết học vào nhận thức và thực tiễn quản lý nhà nước, đồng thời,

trang bị thể giới quan, phương pháp luận khoa học và hình thành ở sinh viên phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn.

Mục tiêu môn học:

Từ việc trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng triết học nhân loại, hình thành ở người học thể giới quan, phương pháp luận khoa học và phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn, học phần *Lịch sử triết học* giúp sinh viên vận dụng tư tưởng triết học vào nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày quá trình ra đời và phát triển của triết học ở một số nước phương Đông, phương Tây qua các thời kỳ

- Trình bày tư tưởng cơ bản của các trường phái, các nhà triết học trong lịch sử

- Giải thích ý nghĩa, ảnh hưởng của tư tưởng triết học đến đời sống chính trị xã hội

- Vận dụng tư tưởng triết học vào nhận thức và thực tiễn quản lý nhà nước

- Hình thành phương pháp tư duy, năng lực vận dụng lý triết học vào nhận thức và thực tiễn quản lý nhà nước

Thể hiện thể giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng

Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, nhân văn

SMT30006: Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Do tính chất đặc điểm khác nhau của từng vùng lãnh thổ nên cách thức và phương pháp quản lý những vấn đề ngành có thể khác nhau. Tuy nhiên, quản lý nhà nước các vấn đề trên tất cả các lĩnh vực đòi hỏi vừa đảm bảo tính thống nhất vĩ mô trên toàn bộ lãnh thổ quốc gia nhưng đồng thời có tính đến yếu tố đặc trưng của từng lãnh thổ. Học phần này nhằm giúp cho sinh viên phân định rõ vấn đề đó để sau khi tốt nghiệp có thể vận dụng vào từng địa phương (lãnh thổ) cụ thể.

Mục tiêu học phần:

Học phần trang bị kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ; hình thành kỹ năng quản lý thời gian và nguồn lực; rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm. Đồng thời, giúp người học áp dụng được những kiến thức về quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ vào thực tiễn nghề nghiệp tại địa phương cụ thể.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với ngành

- Trình bày quan niệm, chủ thể quản lý, nội dung quản lý nhà nước đối với vùng lãnh thổ

- Giải thích mối quan hệ giữa quản lý nhà nước theo ngành với quản lý nhà nước theo lãnh thổ

- Thể hiện kỹ năng quản lý thời gian và phân bổ nguồn lực

- Có khả năng triển khai hoạt động nhóm

- Lựa chọn mô hình quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể

- Xây dựng nội dung quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể

- Triển khai thực hiện kế hoạch quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể

- Đánh giá hiệu quả của hoạt động quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ tại địa phương cụ thể

POL300015: Chính trị với quản lý xã hội

Mô tả học phần:

Chính trị với quản lý xã hội là học phần bắt buộc, thuộc khối kiến thức chuyên ngành

Quản lý nhà nước; cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về quản lý xã hội theo đường lối chính trị của giai cấp cầm quyền; về chủ thể quản lý xã hội Việt Nam hiện nay cùng những nội dung, phương thức quản lý; về quản lý các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội; trang bị phương pháp luận để nghiên cứu các vấn đề chính trị xã hội và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên hiểu được mối quan hệ giữa chính trị với quản lý xã hội, hoạt động quản lý xã hội của hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay, đồng thời, trang bị cho sinh viên kỹ năng cần thiết để nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước, cũng như phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong của cán bộ, công chức, viên chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày quan điểm về quản lý xã hội theo mục tiêu chính trị của giai cấp cầm quyền
- Trình bày các quan điểm về quản lý xã hội trong một số học thuyết chính trị
- Trình bày chủ thể quản lý xã hội và quản lý các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội Việt Nam hiện nay
- Vận dụng lý luận để nghiên cứu và tham gia các hoạt động quản lý nhà nước
- Thể hiện kỹ năng cần thiết trong thực thi công vụ: xử lý, giải quyết vấn đề; thực hiện kế hoạch, dự án...
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức và tác phong chuyên nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức.

POL300029: Hành chính học

Mô tả học phần:

Học phần có 6 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của hành chính học. Học phần đi sâu nghiên cứu những vấn đề cơ bản về hành chính và nền hành chính của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; những vấn đề lý luận về cải cách hành chính, thực tiễn cải cách nền hành chính ở nước ta và những vấn đề cơ bản về công chức, công vụ, công sở ở Việt Nam; những vấn đề về công tác văn bản hành chính – văn phòng.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản về hành chính, cải cách hành chính, công chức, công vụ và công tác văn bản, hành chính – văn phòng, đồng thời, áp dụng các nghiệp vụ hành chính và tham gia giải quyết các vấn đề công tác hành chính, đặc biệt là Hành chính công, trở thành các công chức tốt trong bộ máy hành chính nhà nước.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày những tri thức khoa học về lý luận hành chính, cải cách hành chính, vấn đề công chức, công vụ và về công tác văn bản, hành chính – văn phòng.
- Giải thích giải pháp cho công tác kiện toàn tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ, công chức hành chính nhằm nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam - nhà nước của dân, do dân, vì dân.
- Thực hiện công tác hành chính, đặc biệt là Hành chính công.
- Áp dụng được các nghiệp vụ hành chính, trở thành các công chức tốt trong bộ máy hành chính nhà nước.
- Thể hiện kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm trong cơ quan hành chính
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp của công chức, viên chức.

POL30010: Văn hóa công sở và đạo đức công vụ

Mô tả học phần:

Văn hóa công sở và đạo đức công vụ là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành dùng cho sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Đây là học phần bắt buộc, được giảng dạy ở học kỳ VI theo khung chương trình đào tạo của trường Đại học Vinh. Học phần gồm 3 tín chỉ, bao gồm các vấn đề lý luận chung về văn hóa công sở, đạo đức công vụ; nội dung và biện pháp

xây dựng văn hóa công sở, đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay. Học phần nằm trong tổng thể chương trình đào tạo giúp sinh viên ngành Quản lý nhà nước đạt chuẩn theo yêu cầu tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy hành chính Nhà nước hiện hành. Trong phạm vi nghiên cứu học phần, các nội dung đều dựa trên các văn bản, quy chế, quy định về văn hóa công sở, đạo đức công vụ của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn hóa công sở và đạo đức công vụ, về xây dựng văn hóa công sở và đạo đức công vụ ở Việt Nam hiện nay, qua đó giáo dục đạo đức và tác phong nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* những giá trị cốt lõi của văn hóa công sở và đạo đức công vụ; các nguyên tắc, chuẩn mực của văn hóa công sở, đạo đức công vụ

- *Thể hiện* ý thức xây dựng văn hóa, đạo đức trong giao tiếp, ứng xử của cá nhân; ý thức xây dựng phẩm chất nghề nghiệp và đạo đức nghề nghiệp.

- *Vận dụng* kiến thức vào nghiên cứu, phân tích các vấn đề về văn hóa công sở và đạo đức công vụ trong thực tiễn.

- *Thể hiện* năng lực đánh giá các vấn đề; xây dựng môi trường công sở; giao tiếp và ứng xử trong công sở, trong hoạt động thực thi công vụ.

POL31005: Luật hành chính

Mô tả học phần:

Luật hành chính là học phần được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 5 của khóa học. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về hoạt động quản lý hành chính nhà nước theo quy định pháp luật. Giúp sinh viên nhìn nhận quá trình quản lý hành chính nhà nước dưới góc nhìn của pháp luật, từ đó hiểu và thực hành tốt công việc sau khi ra trường.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về luật hành chính cùng kỹ năng thực hành công việc liên quan đến pháp luật; hình thành ở sinh viên khả năng vận dụng những kiến thức về luật hành chính để phân tích, đánh giá các hiện tượng pháp luật, cũng như phẩm chất chính trị - pháp lý.

Chuẩn đầu ra học phần:

- *Trình bày* những kiến thức cơ bản về luật hành chính

- *Vận dụng* kiến thức về luật hành chính trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước

- *Thể hiện* kỹ năng làm việc nhóm, cập nhật thông tin, quản lý thời gian và nguồn lực

- *Thể hiện* thái độ tiếp nhận phản biện và điều chỉnh, xem xét ý kiến phản biện trong nghề nghiệp

- *Thể hiện* phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong nghề nghiệp của công chức, viên chức.

POL30026: Chính sách công

Mô tả học phần:

Học phần có 3 tín chỉ, được kết cấu gồm 3 chương, sau khi đã hoàn thành các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương, cơ sở khối ngành và cơ sở ngành. Học phần này nhằm giới thiệu cho sinh viên những nội dung cơ bản về chính sách công, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách công

Mục tiêu học phần:

Nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách công, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách, đồng thời hình thành ở sinh viên kỹ năng, phẩm chất, tác phong của cán bộ, công chức, viên chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày các kiến thức cơ bản về chính sách công, quá trình hoạch định chính sách và tổ chức, thực thi chính sách
- Áp dụng nguyên tắc và quan điểm để xây dựng quy trình hoạch định, thực thi và đánh giá chính sách công ở Việt Nam
- Thể hiện kỹ năng phân tích, giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực thi chính sách
- Thể hiện tư duy phản biện trong phân tích, đánh giá chu trình chính sách công
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức và ý thức trách nhiệm, hành xử chuyên nghiệp

POL30032: Khoa học quản lý

Mô tả học phần:

Học phần có 3 tín chỉ, được kết cấu gồm 6 chương, thể hiện những nội dung cơ bản của khoa học quản lý, những quy luật, phạm trù, nguyên tắc, phương pháp quản lý cốt lõi phù hợp và đang được vận dụng trong thể chính trị Việt Nam hiện nay. Học phần giúp sinh viên có hiểu biết tổng quát về quản lý và nghệ thuật lãnh đạo, quản lý để có thể vận dụng vào hoạt động quản lý.

Mục tiêu học phần:

Học phần giúp sinh viên có hiểu biết khoa học về: Tổng quan về khoa học quản lý; nguyên tắc và phương pháp quản lý và các chức năng, quy trình quản lý. Việc nắm vững các nguyên lý quản lý, quy luật quản lý, các phạm trù và các khái niệm cơ bản của khoa học quản lý sẽ giúp cho sinh viên có những cơ sở lý luận và phương pháp luận để nhận thức một cách đúng đắn các học phần trong khối kiến thức cơ sở cũng như trong khối kiến thức chuyên ngành.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày các nguyên tắc và phương pháp quản lý, chức năng, quy trình quản lý
- Áp dụng khoa học quản lý vào hoạt động quản lý
- Thể hiện kỹ năng phát hiện vấn đề, xử lý thông tin, phối hợp trong hoạt động quản lý
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong của người cán bộ quản lý

SMT30017: Quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên tự tin và có kỹ năng vận dụng hiểu biết của mình vào hoạt động thực tế công việc sau khi ra trường.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về vấn đề giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ; hình thành kỹ năng tự học và khả năng học suốt đời; rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong bối cảnh nghề nghiệp, đồng thời, áp dụng được những kiến thức quản lý nhà nước về vấn đề giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ vào thực tiễn nghề nghiệp.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với vấn đề giáo dục và đào tạo.
 - Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với khoa học và công nghệ.
 - Giải thích chính sách nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ
 - Thể hiện khả năng thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế
 - Phân tích thực trạng quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ
 - Đề xuất giải pháp giải quyết các vấn đề trong quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ trong thực tế
- Đánh giá hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ của các bộ, ban, ngành và chính quyền địa phương các cấp

POL30011: Quản lý nhà nước về kinh tế

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước về kinh tế là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản của quản lý nhà nước về kinh tế, mục tiêu, công cụ, chính sách quản lý và mối quan hệ giữa nhà nước với doanh nghiệp trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở đó người học nắm được quá trình đổi mới cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam, nâng cao nhận thức và có năng lực phân tích, giải quyết các vấn đề về quản lý trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

Mục tiêu học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế.
- Vận dụng nguyên lý của Chủ nghĩa Mác- Lênin và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay.
- Hình thành kỹ năng tự học, kỹ năng phân tích và vận dụng lý luận môn học vào thực tiễn cho sinh viên.
- Rèn luyện cho sinh viên phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, thái độ khách quan, toàn diện đối với việc quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về kinh tế.
- Vận dụng quan điểm, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam để giải quyết vấn đề quản lý nhà nước về kinh tế trong nền kinh tế thị trường ở Việt Nam hiện nay.
- Thể hiện kỹ năng tự học, kỹ năng phân tích và vận dụng lý luận môn học vào thực tiễn cho sinh viên.
- Thể hiện phẩm chất chính trị, ý thức trách nhiệm, thái độ khách quan, toàn diện đối với việc quản lý kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.

POL30018: Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo

Mô tả học phần:

Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước đối với vấn đề dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam, đồng thời gợi ý, đề xuất phương pháp quản lý, điều hành của chính quyền khi xảy ra các tình huống chính trị liên quan đến vấn đề dân tộc và tôn giáo. Học phần giúp sinh viên có thể tự tin, nhanh chóng bắt nhịp với thực tế công việc sau khi ra trường.

Mục tiêu học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo
- Hình thành kỹ năng tự học và khả năng học suốt đời
- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp trong bối cảnh nghề nghiệp
- Áp dụng được những kiến thức về quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo vào thực tiễn nghề nghiệp

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo
- Áp dụng được những kiến thức về quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo vào thực tiễn nghề nghiệp
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức
- Thể hiện kỹ năng giao tiếp trong bối cảnh nghề nghiệp
- Thể hiện kỹ năng tự học và khả năng học suốt đời

POL31002: Tổ chức chính quyền cơ sở

Mô tả học phần:

Tổ chức chính quyền cơ sở là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành đối với sinh viên ngành Quản lý Nhà nước. Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về tổ chức chính quyền ở cơ sở trong hệ thống chính quyền 4 cấp ở nước ta hiện nay. Đồng thời học phần giúp sinh viên nắm rõ chức năng nhiệm vụ của chính quyền cơ sở trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể tự phân tích, đề xuất biện pháp giải quyết một vấn đề trong lĩnh vực thuộc chính quyền cơ sở.

Mục tiêu học phần:

Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về chính quyền cơ sở, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng chính quyền quyền cơ sở, từ đó vận dụng vào hoạt động quản lý nhà nước ở địa phương.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về chính quyền cơ sở.
- Vận dụng quan điểm, nguyên tắc của chủ Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước về chính quyền quyền cơ sở để giải quyết vấn đề về quản lý ngành và lãnh thổ địa phương cùng vận dụng lý luận vào thực tiễn.
- Phân tích tác động của xã hội đối với quản lý nhà nước đối với chính quyền cơ sở để điều chỉnh hoạt động có hiệu quả.
- Xác định vai trò, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức ở cơ sở cũng như nội dung, phương thức quản lý của bộ máy chính quyền cơ sở.

LAW30008: Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức**Mô tả học phần:**

Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức là học phần tự chọn được sắp xếp dạy học vào phân kỳ 6 của khóa học. Nội dung của học phần nhằm cung cấp cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về địa vị pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức và hệ thống công vụ hiện nay ở Việt Nam. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức trong quá trình tham gia tuyển dụng cũng như thực tiễn làm việc tại cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị xã hội và đơn vị sự nghiệp công lập.

Mục tiêu học phần:

Trang bị cho sinh viên những nội dung cơ bản của pháp luật về cán bộ công chức, viên chức cùng kỹ năng đánh giá thực trạng và các giải pháp nâng cao hiệu quả nền công vụ, và qua đó hình thành phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong, chuẩn mực của người cán bộ công chức, viên chức.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày những kiến thức cơ bản về đặc trưng, địa vị pháp lý của cán bộ, công chức, viên chức và nền công vụ
- Xác định địa vị pháp lý, vai trò, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức
- Thể hiện kỹ năng phát hiện vấn đề, xử lý thông tin, phối hợp trong công việc
- Thể hiện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong, chuẩn mực của cán bộ công chức, viên chức.

SMT30019: Công tác đảng và công tác đoàn thể**Mô tả học phần:**

Công tác Đảng và công tác đoàn thể là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức cơ sở ngành Quản lý nhà nước. Học phần trang bị những nội dung bản về Đảng và các tổ chức đoàn thể chủ yếu được thành lập, hoạt động trong nhà trường ở Việt Nam, bao gồm tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam; Công đoàn; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh. Cung cấp cho các nhà giáo dục các vấn đề liên quan đến mục

tiêu, chương trình, nhiệm vụ của từng tổ chức nhằm tạo điều kiện để làm tốt công tác giáo dục toàn diện giúp người học vận dụng kiến thức vào thực tiễn.

Mục tiêu học phần:

Trang bị kiến thức về tổ chức Đảng và đoàn thể trong trường học và áp dụng kiến thức chuyên sâu về Đảng và đoàn thể để phát triển nghề nghiệp; *giúp người học có khả năng lãnh đạo, quản lý tổ chức công tác Đảng và đoàn thể trong trường học; hình thành kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm trong các tổ chức của hệ thống chính trị, đồng thời, giải thích được vai trò của người cán bộ, công chức cùng sự đa dạng trong hoạt động của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị.*

Chuẩn đầu ra học phần:

- Hiểu được vai trò vị trí của tổ chức Đảng và đoàn thể trong trường học
- Hình thành kỹ năng giao tiếp
- Thể hiện khả năng làm việc nhóm trong các tổ chức Đảng và đoàn thể
- Giải thích được vai trò của người cán bộ, công chức trong các tổ chức Đảng và đoàn thể
- Giải thích sự đa dạng trong hoạt động của các tổ chức thuộc hệ thống chính trị

SMT30016: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Mô tả học phần:

Xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo cử nhân Quản lý nhà nước. Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền XHCN mà Việt Nam đang xây dựng, đồng thời làm rõ nội dung và phương hướng xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Học phần giúp sinh viên có thể chủ động về nhận thức và hoạt động thực tiễn, nhanh chóng bắt nhịp với thực tế công việc sau khi ra trường.

Mục tiêu học phần:

Trang bị kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền, nhà nước pháp quyền XHCN; vận dụng quan điểm, nguyên tắc của chủ nghĩa Mác-Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam để xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân vì dân ở Việt Nam. Đồng thời, hình thành kỹ năng nghiên cứu các nhà nước pháp quyền trong thực tiễn và khả năng hợp tác đa ngành; rèn luyện ý thức trách nhiệm, có thái độ đề cao sự công bằng.

Chuẩn đầu ra học phần:

- Trình bày kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền
- Trình bày kiến thức cơ bản về nhà nước pháp quyền XHCN
- Giải thích tình hình xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay
- Đề xuất phương hướng và nội dung xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay

PHẦN 5. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

- Căn cứ pháp lý để xây dựng và thực hiện chương trình;
- Hướng dẫn sinh viên định hướng hoàn thành chương trình;
- Trách nhiệm của Bộ môn/khoa/viện/trường
- Trách nhiệm của giảng viên
- Trách nhiệm của sinh viên

PHỤ LỤC 1: ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh	Học vị, năm, nước tốt nghiệp	Học phần đảm nhiệm
1	Lê Thị Nam An, 1980	Giảng viên	Thạc sĩ, 2007 Việt Nam	- Học phần 5 (Triết học Mác-Lênin) - Học phần 2 (Lôgic hình thức) - Học phần 27
2	Phạm Thị Bình, 1971	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 5 (Triết học Mác-Lênin) - Học phần 36 (Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ)
3	Bùi Thị Cần, 1981, Phó Trưởng khoa GDCT	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 26 (Tư tưởng Hồ Chí Minh)
4	Phan Huy Chính, 1969	Giảng viên	Thạc sĩ, 2004 Việt Nam	- Học phần 2 (Lôgic hình thức) - Học phần 5 (Triết học Mác-Lênin) - Học phần 22 (Lịch sử triết học)
5	Nguyễn Thị Diệp, 1969	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2003 Việt Nam	- Học phần 6 (Kinh tế chính trị Mác – Lênin) - Quản lý nhà nước về kinh tế
6	Đinh Thế Định, 1958	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2003 Việt Nam	- Học phần 11 (Chủ nghĩa xã hội khoa học) - Học phần 21 (Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước)
7	Trần Thị Hạnh, 1985	Giảng viên	Thạc sĩ, 2011 Việt Nam	- Học phần 19 (Lịch sử Đảng CS Việt Nam)
8	Lê Thị Thanh Hiếu, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2010 Việt Nam	- Học phần 23 (Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ)

				- Học phần 16 (Đại cương về quản lý nhà nước)
9	Dương Thị Mai Hoa, 1988	Giảng viên	Thạc sĩ, 2013 Việt Nam	- Học phần 19 (Lịch sử Đảng CS Việt Nam) - Học phần 25 (Công tác Đảng và công tác đoàn thể)
10	Phạm Thị Thúy Hồng, 1984	Giảng viên	Thạc sĩ, 2008 Việt Nam	- Học phần 16 (Đại cương về quản lý nhà nước) - Học phần 11 (Chủ nghĩa xã hội khoa học)
11	Nguyễn Thị Mỹ Hương, 1975	Giảng viên chính	Thạc sĩ, 2004 Việt Nam	- Học phần 6 (Kinh tế chính trị) - Học phần 17 (Hội nhập kinh tế quốc tế) - Học phần 28 (Kinh tế học đại cương)
12	Vũ Thị Phương Lê, 1975, Trưởng khoa CT&Báo chí	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 11 (Chủ nghĩa xã hội khoa học) - Học phần 35 (Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo) - Học phần 38 (Thực tập và đồ án tốt nghiệp)
13	Hoàng Thị Nga, 1970	Giảng viên	Thạc sĩ, 2005 Việt Nam	- Học phần 11 (Chủ nghĩa xã hội khoa học)
14	Trần Cao Nguyên, 1982	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 18 (Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam) - Học phần 19 (Lịch sử Đảng CS Việt Nam)
15	Trần Viết Quang, 1963, Phó Hiệu trưởng	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2009 Việt Nam	- Học phần 21 (Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước) - Học phần 22 (Lịch sử triết học) - Học phần 29 (Chính trị với quản lý xã hội)

16	Nguyễn Văn Sang, 1983	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 2 (Logic hình thức) - Học phần 25 (Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam)
17	Nguyễn Thái Sơn, 1969, Trưởng khoa GDCT	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2001 Việt Nam	- Học phần 2 (Logic hình thức) - Học phần 5 (Triết học Mác-Lênin) - Học phần 33 (Khoa học quản lý)
18	Trương Thị Phương Thảo, 1982	Giảng viên	Tiến sĩ, 2020 Việt Nam	- Học phần 1 (Nhập môn nhóm ngành Chính trị - Luật) - Học phần 25 (Xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam) - Học phần 27 (Văn hóa công sở và đạo đức công vụ)
19	Đinh Trung Thành, 1970	Giảng viên cao cấp	Tiến sĩ, 2009 Việt Nam	- Học phần 17 (Hội nhập kinh tế quốc tế) - Học phần 28 (Chính sách công) - Học phần 28 (Kinh tế học đại cương)
20	Nguyễn Văn Trung, 1978, Trưởng khoa DL-CTXH	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 19 (Lịch sử Đảng CS Việt Nam) - Học phần 24 (Tổ chức chính quyền cơ sở) - Học phần 25 (Tổ chức nhân sự trong cơ quan hành chính)
21	Phan Văn Tuấn, 1983, Phó Trưởng khoa CT&BC	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017 Việt Nam	- Học phần 21 (Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước) - Học phần 28 (Chính sách công) - Học phần 33 (Khoa học quản lý)
22	Nguyễn Thị Lê Vinh,	Giảng viên	Thạc sĩ, 2001	- Học phần 23 (Quản lý nhà

	1988		Pháp	nước đối với ngành và lãnh thổ) - Học phần 35 (Quản lý nhà nước đối với dân tộc và tôn giáo)
23	Nguyễn Thị Hải Yến, 1982	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2018 Việt Nam	- Học phần 6 (Kinh tế chính trị) - Học phần 37 (Quản lý nhà nước về kinh tế)
24	Phạm Thị Bình	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2012 Việt Nam	- Học phần 5 (Triết học Mác-Lênin) - Học phần 36 (Quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo, khoa học – công nghệ)
25	Hắc Xuân Cảnh	Giảng viên chính	Tiến sĩ, Việt Nam	- Học phần 9 (Tiền trình lịch sử Việt Nam) - Học phần 18 (Lịch sử chính quyền nhà nước Việt Nam)
26	Phạm Thị Thúy Liễu	Giảng viên chính	Tiến sĩ, 2016 Việt Nam	Học phần 20 (Luật Dân sự)
27	Hà Thị Thúy	Giảng viên	Tiến sĩ, 2019 Việt Nam	Học phần 20 (Luật Dân sự)
28	Nguyễn Thị Thanh	Giảng viên	Tiến sĩ, 2021 Việt Nam	Học phần 20 (Luật Dân sự)
29	Nguyễn Văn Đại	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Học phần 3 (Lý luận về nhà nước và pháp luật)
30	Ngô Thị Thu Hoài	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Học phần 3 (Lý luận về nhà nước và pháp luật)
31	Đinh Văn Liêm	Giảng viên	Tiến sĩ, 2017, Việt Nam	Học phần 3 (Luật Hiến pháp)
32	Hồ Thị Nga	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Học phần 3 (Luật Hiến pháp)
33	Nguyễn Thị Hà	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	- Học phần 34 (Luật hành chính) - Học phần tự chọn 4 (Pháp luật về cán bộ công chức, viên

				chức)
34	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	- Học phần 34 (Luật hành chính) - Học phần tự chọn 4 (Pháp luật về cán bộ công chức, viên chức)
35	Nguyễn Văn Dũng	Giảng viên	Tiến sĩ, 2002, Liên bang Nga	Học phần 31 (Luật Hình sự)
36	Bùi Thị Phương Quỳnh	Giảng viên	Tiến sĩ, 2018, Việt Nam	Học phần 31 (Luật Hình sự)
37	Nguyễn Thị Thùy Dung	Giảng viên	Tiến sĩ, 2019, Việt Nam	Học phần 15 (Xây dựng văn bản pháp luật)
38	Nguyễn Thị Mai Anh	Giảng viên	Thạc sĩ, 2014, Việt Nam	Học phần 15 (Xây dựng văn bản pháp luật)

PHỤ LỤC 2

CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ GIẢNG DẠY VÀ HỌC TẬP

Trường Đại học Vinh có hệ thống các nhà với diện tích sàn là 74.108 m², diện tích xây dựng là 27.398 m², diện tích sử dụng là 66.700 m², tổng nguyên giá là 110.960 triệu đồng. Hệ thống nhà cửa được phân bố theo mục đích sử dụng (hoạt động sự nghiệp, phòng học). Trường có trên 300 lớp đại học học tại trường. Nhà trường đã có hệ thống phòng học trên 200 phòng (156 phòng học nhà cao tầng, 46 phòng học cấp 4 đã được nâng cấp) với tổng diện tích 15.723 m² sử dụng. Bình quân 1 ca học bố trí được 13.000 chỗ ngồi với diện tích sử dụng bình quân là 2 m²/1 ca (chưa kể diện tích học tập tại phòng thí nghiệm, thực hành, ký túc xá...).

Với sự đầu tư bằng kinh phí Nhà nước và vốn tự có của Nhà trường, các phòng học được trang bị đủ tiêu chuẩn chiếu sáng, bàn ghế, bảng chống lóa đúng tiêu chuẩn và cùng nhiều trang thiết bị điện tử khác. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp dạy, học và đào tạo theo tín chỉ, đến nay, Trường đã có khả năng đáp ứng nhu cầu giảng dạy bằng bài giảng điện tử trên quy mô lớn (ngoài 44 phòng có hỗ trợ bằng thiết bị nghe nhìn, các khoa còn có 5 - 7 bộ thiết bị di động phục vụ khi có nhu cầu). Hệ thống thư viện, trang thiết bị học tập và cơ sở vật chất ngày càng được hoàn thiện, hiện đại hóa, đáp ứng yêu cầu đào tạo đa ngành. Hệ thống phòng học, giảng đường đạt tiêu chuẩn đã và đang được xây dựng; hệ thống phòng thí nghiệm, thư viện đang được hoàn chỉnh, hiện đại hóa; cơ sở hạ tầng được cải tạo, nâng cấp.

Ngoài việc sử dụng toàn bộ cơ sở vật chất của Trường Đại học Vinh, Viện Khoa học Xã hội và Nhân văn có phòng tư liệu riêng phục vụ cho công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học chuyên môn của cán bộ và sinh viên, học viên. Nhà trường cũng đã bố trí cho Viện hệ thống phòng học, văn phòng khoa, phòng làm việc của Ban lãnh đạo Viện, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, phòng thực hành bộ môn với đầy đủ các trang thiết bị đảm bảo cho hoạt động dạy, học, nghiên cứu khoa học, sinh hoạt chuyên môn.

PHỤ LỤC 3: MA TRẬN PHÂN NHIỆM CDR CTĐT VÀ CÁC HỌC PHẦN
Bảng B1. Ma trận phân nhiệm chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần

T T	Mã HP	Tên học phần	1.1			1.2			1.3			2.1			2.2		3.1			3.2		4.1					4.2			4.3			4.4			4.5								
			1.1.1	1.1.2	1.1.3	1.2.1	1.2.2	1.2.3	1.2.4	1.3.1	1.3.2	1.3.3	1.3.4	1.3.5	2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.2.1	2.2.2	3.1.1	3.1.2	3.1.3	3.2.1	3.2.2	4.1.1	4.1.2	4.1.3	4.1.4	4.1.5	4.2.1	4.2.2	4.2.3	4.3.1	4.3.2	4.3.3	4.4.1	4.4.2	4.4.3	4.5.1	4.5.2	4.5.3		
I	Giáo dục đại cương																																											
	Các học phần đại cương chung (21)																																											
1	POL11001	Triết học Mác-Lênin	K3			K3										S2		A4																										
2	POL11002	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	K3													S2		A4																										
3	POL11003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	K3			K3										S2		A4																										
4	POL11004	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	K3													S2		A4																										
5	POL10002	Tư tưởng Hồ Chí Minh	K3			K3										S2		A4	A3																									
6	ENG10001	Tiếng Anh 1																				S2		S2																				
7	ENG10002	Tiếng Anh 2																				S2		S2																				
8	INF20002	Tin học																							S2																			
	Các học phần đại cương khối ngành																																											

[illegible]

2	LAW30002	Luật hành chính			K3			K4		S3	A3	S2	S2	S2		C3	C3	C3	
2 3	LAW30006	Luật hình sự			K3		K4		S3	A3					C4				
2 4	SMT20002	Tác phẩm Mác-Lênin và Hồ Chí Minh về nhà nước		K3					S2	A4						C4			
2 5	LAW20003	Xây dựng văn bản pháp luật		K3					S2				S2				C3		C3
2 6		Tư chọn 3																	
Các học phần chuyên ngành																			
2 7	POL30015	Chính trị với quản lý xã hội					K3		S3	A4						C4			C4
2 8	POL30026	Chính sách công					K4		S2	A4					C4		C4	C4	C4
2 9	POL30021	Hành chính học					K4		S2	S3	A3	S2	S2	S2	S3	C4	C4	C4	C4
3 0	POL30032	Khoa học quản lý				K4				A4						C4	C4	C4	C4
3 1	SMT30011	Quản lý nhà nước về kinh tế						K4		A4								C4	C4
3 2	SMT30017	Quản lý nhà nước về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ			K3			K4	S2						C4			C4	
3 3	SMT30006	Quản lý nhà nước đối với ngành và lãnh thổ						K4		S3			S3				C4	C4	C4
3 4	SMT30015	Quản lý nhà nước về dân tộc và tôn giáo						K4	S3					S3		C4			C4

[illegible]

